

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13-Đ N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2025
*V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-Đ N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Chúc
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Tấn Lãm
Bà Nguyễn Thị Mùa

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13
– Đồng Nai

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13, tỉnh Đ N tham gia phiên
tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 13 – Đ N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2025/QĐXXST - ST ngày 13 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025; Thông báo dời phiên tòa số: 04 /TB-TA ngày 09 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Trà M, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu phố Th B, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là xã Th H, tỉnh Đ N “Có đơn xin xét xử vắng mặt”

Bị đơn: Anh Trần H, sinh năm 1982, địa chỉ: Khu phố Th B, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là xã Th H, tỉnh Đ N “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Dương Thị Trà M trình bày tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án:

Chị Dương Thị Trà M và anh Trần H lấy nhau hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là xã Th H, tỉnh Đ N.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do không hợp tính nhau, hay cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung, hiện chị M không còn tình cảm với anh H nữa. Vợ chồng đã ly thân từ tháng giêng năm 2024.

Về con chung: Chị Dương Thị Trà M trình bày: Chị M, anh H đã có 02 người con chung là Trần Dương Mộng T, sinh ngày 09/4/2016 và Trần Đại Ph, sinh ngày 30/9/2019, các con chung được chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay.

Chị Dương Thị Trà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần H; về con chung: Chị M yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 (hai) con chung đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết

Bị đơn anh Trần H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, anh H không thể hiện được ý kiến của mình.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

Chị Dương Thị Trà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với bị đơn anh Trần H; Yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02(hai) con chung là Trần Dương Mộng T, sinh ngày 09/04/2016; và Trần Đại Ph, sinh ngày 30/9/2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng trình tự pháp luật quy định

Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng của Thẩm phán phù hợp với quy định của Luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Trà M về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn anh Trần H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của chị Dương Thị Trà M thuộc trường hợp " Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cũ (nay là tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Đ N được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần H có địa chỉ tại: Khu phố Th B, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cũ (nay là khu phố Th B, xã Th H, tỉnh Đ N).

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cũ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Đ N)

[2]. Về tố tụng: Bị đơn anh Trần H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có ý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Chị Dương Thị Trà M và anh Trần H kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là xã Th H, tỉnh Đ N vào ngày 11/5/2016. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị M, anh H sống hạnh phúc được đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không nhường nhịn nhau. Hiện tại chị M không còn tình cảm với anh H nữa.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 07/5/2025, của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Đ N tại địa phương nơi chị M, anh H sinh sống được biết: Ban điều hành ấp 7, xã Thanh H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là ấp 7, xã Th H, tỉnh Đ N không nắm rõ thông tin tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị M, anh H do khi mâu thuẫn các đương sự không báo cho Ban điều hành ấp 7, xã Thanh H (cũ) nay là ấp 7, xã Th H biết. Tuy nhiên xét trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ anh H để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng của anh với chị M nhưng anh H vắng mặt không lý do. Xét lời khai của chị M về mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của chị với anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Trà M đối với anh Trần H là hoàn toàn phù hợp với các qui định của pháp luật

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị M, anh H có với nhau 02 (hai) con chung là: Trần Dương Mộng T, sinh ngày 09/04/2016; và Trần Đại Ph, sinh ngày: 30/9/2019 chị M yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

Tại phiên tòa anh H vắng mặt; Mặc dù tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai anh H vẫn vắng mặt nên không trình bày được ý kiến của mình.

Xét thấy: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung; Mặt khác tại các biên bản tự ghi lời khai ngày 05/3/2025 hai cháu Tuyền có nguyện vọng được sống chung với mẹ; Cháu Phát con nhỏ. Hiện chị M có công việc làm thuê tại ấp 7, xã Thanh H (cũ) nay là ấp 7, xã Th H. Theo biên bản xác minh về thu nhập của chị M tại UBND xã Thanh H (cũ) nay là xã Th H ngày 12/5/2025 thì thu nhập của một người làm thuê tại xã Thanh H (cũ) nay là xã Th H có thu nhập ổn định từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/ 1 ngày và chị M có nhà ở ổn định. Xét với thu nhập trên thì chị M đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ em vị thành niên căn cứ vào các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình thiết nghĩ Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao con

chung 02 (hai) con chung chưa thành niên là: Trần Dương Mộng T, sinh ngày 09/04/2016; và Trần Đại Ph, sinh ngày: 30/9/2019 cho chị Dương Thị Trà M được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý và hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; chị Dương Thị Trà M không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Trà M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” của nguyên đơn chị Dương Thị Trà M đối với bị đơn anh Trần H.

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị Trà M được ly hôn anh Trần H.

2. Về con chung: Tuyên giao 02 (hai) con chung chưa thành niên là: Trần Dương Mộng T, sinh ngày 09/04/2016; và Trần Đại Ph, sinh ngày: 30/9/2019 cho chị Dương Thị Trà M được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con các chung đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Trà M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ, tỉnh Bình phước (cũ) nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 13, tỉnh Đ N theo biên lai thu tiền số 0007244 ngày 17/02/2025

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ N;
- VKSND khu vực 13;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 13;
- Các đương sự;
- UBND xã Th H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chức